

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2026

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Lê Thị Hồng Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1986; nơi cư trú: Đường số A, thôn D, xã T, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Số nhà A, đường số C, thôn B, xã T, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đường số A, thôn D, xã T, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Đ tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban Nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 22/12/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn khiến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn, quan tâm chăm lo, xây dựng kinh tế gia đình, chăm lo cho các con. Chị Y đã nhiều lần khuyên ngăn, tạo điều kiện cho anh Đ sửa đổi bản thân và cũng nhờ gia đình hai bên tác động để anh Đ thay đổi nhưng anh Đ cũng không sửa đổi. Nhận thấy không

thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nên chị Y cùng các con đã về nhà mẹ ruột ở, sống ly thân với anh Đ. Hiện nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Đ có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 10/10/2011 và Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 29/7/2016. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 (hai) người con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho hai người con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Đ trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Y như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đ và chị Nguyễn Thị Kim Y tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban Nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng). Anh Đ thừa nhận là trong thời gian qua, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh Đ chưa quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ con mà còn ham chơi. Tuy nhiên, bản thân anh Đ đã nhận ra sai lầm của mình và hứa từ nay sẽ quan tâm, chăm sóc vợ con, lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi các con. Hiện nay, chị Y yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý. Trường hợp chị Y không muốn sống với anh Đ thì vợ chồng có thể sống ly thân, để anh Đ có thời gian để tự sửa đổi bản thân và cùng lo cho con cái.

Về con chung: Anh Nguyễn Đ và chị Nguyễn Thị Kim Y có 2 (hai) người con chung như chị Y trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Y ly hôn với anh Đ thì anh Đ đồng ý để chị Y nuôi dưỡng các con nếu chị Y không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, anh Đ sẽ chu cấp nuôi con theo khả năng chứ không chấp nhận mức cấp dưỡng theo chị Y yêu cầu vì anh Đ làm nông, nguồn thu nhập không ổn định.

Trường hợp chị Y vẫn yêu cầu anh Đ cấp dưỡng hàng tháng thì anh Đ yêu cầu giải quyết mỗi người nuôi một người con, bản thân anh Đ nuôi cháu T hay cháu T1 đều được.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tại biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên lập ngày 20/8/2026, cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 10/10/2011 và cháu Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 29/7/2016 đều mong muốn được ở với mẹ nếu ba, mẹ ly hôn.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: Bản tự khai; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Nguyễn Đ và Nguyễn Thị Kim Y (bản gốc); 02 Trích lục khai sinh Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Tấn T1 (bản sao); 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị Kim Y (bản phô tô có chứng thực); 01 Căn cước công dân Nguyễn Đ (bản phô tô); Giấy vận đơn bưu điện ngày 13/8/2026.

- Bị đơn cung cấp: Không.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai đương sự; biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hoà giải.

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất và không thống nhất:

- Những tình tiết các đương sự thống nhất với nhau: Về quan hệ hôn nhân, về con chung, những mâu thuẫn trong gia đình.

- Những tình tiết các đương sự không thống nhất với nhau: Các đương sự không thống nhất với nhau về vấn đề ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Y: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Nguyễn Đạt . Về con chung: giao 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 10/10/2011 và Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 29/7/2016 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động; buộc anh Nguyễn Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Y số tiền là 4.000.000 đồng/tháng/02 người con đến khi thành niên và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh Nguyễn Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đ và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm

2025) và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Kim Y

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Đ tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 22/12/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Đ là hợp pháp. Vì vậy, chị Y có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Y cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Đ không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình và không quan tâm, chăm sóc đối với các thành viên trong gia đình. Hiện nay, chị Y đã tự sống ly thân và làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Anh Đ thừa nhận trong thời gian qua chưa thực sự quan tâm, chăm sóc đến các thành viên trong gia đình; chưa tu chí làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, cùng gánh vác, chia sẻ, lo toan cho gia đình cùng với chị Y. Tuy nhiên, bản thân anh Đ đã tự nhận thấy những sai lầm của mình và nhận thức được trách nhiệm đối với gia đình. Vì vậy, anh Đ mong muốn chị Y cho anh Đ cơ hội sửa sai để cùng chung sống chăm lo cho gia đình và các con. Do đó, anh Đ không chấp nhận ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, chị Y và anh Đ đều thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thiếu sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Cụ thể anh Đ chưa thực sự quan tâm, chăm sóc đến vợ và các con, tu chí làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và chăm lo cho các con. Từ đó, mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình. Hiện tại, anh Đ muốn tự sửa đổi những sai lầm của mình để cùng chị Y tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, chị Y không còn sự tin tưởng đối với anh Đ. Xét thấy: Hôn nhân giữa chị Y và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị Y được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2]. Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Nguyễn Đ có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 10/10/2011 và Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 29/7/2016. Chị Y yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Anh Đ đồng ý giao các con cho chị Y nuôi trong trường hợp chị Y không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, anh Đ chỉ chu cấp nuôi các con theo khả năng của mình.

Trong trường hợp chị Y vẫn giữ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh Đ yêu cầu anh Đ và chị Y mỗi người nuôi một người con.

Xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Khi ly hôn, giao cho cha hoặc mẹ nuôi phải xem xét đến điều kiện mọi mặt của cha mẹ về việc chăm sóc, giáo dục các con phát triển tốt nhất. Đồng thời cũng phải xem xét đến nguyện vọng của các con. Các cháu Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Tấn T1 từ trước đến nay được chị Y chăm sóc, giáo dục; bản thân anh Đ cũng thừa nhận trong thời gian qua chung sống với chị Yến A chưa thực sự quan tâm, chăm lo cho gia đình và các con. Khi chị Y và anh Đ sống ly thân với nhau thì các con đều ở với chị Y và được chị Y chăm lo đầy đủ cả vật chất và tinh thần. Hiện nay, các cháu T và T1 đều trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu T và T1 được phát triển đầy đủ, ổn định về môi trường sống và phù hợp với nguyện vọng của các cháu thì cần tiếp tục giao các cháu T và T1 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, chị Y yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 10/10/2011 và Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 29/7/2016 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động. Anh Đ không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo mức yêu cầu của chị Y mà chỉ đồng ý chu cấp theo khả năng của mình vì cho rằng bản thân anh hiện nay làm nông, thu nhập không ổn định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vì phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*.

Về mức cấp dưỡng: Tiền cấp dưỡng cho con là khoản tiền nhằm đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của con. Tuy nhiên, cũng cần xem xét vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại anh Đ là lao động phổ thông, công việc chủ yếu là làm nông, thu nhập theo ngày công hoặc theo mùa vụ. Căn cứ vào mức thu nhập của lao động phổ thông nam tại địa phương trung bình khoảng từ 8.000.000 đồng/tháng đến 12.000.000 đồng/tháng.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng nuôi con phù hợp với các nhu cầu thiết yếu cần để nuôi một trẻ nhỏ và khả năng thực tế của người cấp dưỡng nhưng mức cấp dưỡng sẽ không thấp hơn một nửa mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú. Anh Đ có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng, thuộc vùng IV, theo quy định mức lương tối thiểu vùng IV là 3.700.000 đồng. Cho nên, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho một người con là phù hợp. Theo đó cần buộc anh Nguyễn Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/01 người con) để đảm bảo đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các con và khả năng thực tế của anh Đ.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Kim Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025 theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội*).

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 3 Điều 4, các Điều 6, 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Y:

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Nguyễn Đạt .

1.2 Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim Y có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 10/10/2011 và Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 29/7/2016 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Đ có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 (hai) người con cho chị Nguyễn Thị Kim Y là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) (2.000.000 đồng/01 người con/tháng). Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày tuyên án 12/9/2026 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi

hành án có yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận; trường hợp hai bên không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002594 ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh L; chị Nguyễn Thị Kim Y đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng).

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/9/2026 (đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn: UBND xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận